

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 5 - 2022
V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Công Mười.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thanh và ông Vũ Khắc Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2022/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm: 1979; Địa chỉ: Khu 6, phường Y, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. *Có mặt.*

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Khu 8, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 09 tháng 9 năm 2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại khu 8, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 6

năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn anh C có hành vi đánh đập và xúc phạm chị, một tháng anh C đánh chị từ 3 đến 4 lần, lần gần nhất là vào tháng 2 năm 2022 (âm lịch) anh C đánh chị nên chị đã về nhà bố mẹ để sinh sống. Nay chị không còn yêu thương anh C nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn C có hai con chung là Nguyễn Thị Q, sinh ngày 03/8/2012 và Nguyễn Văn D1, sinh ngày 30/9/2014. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thị Q còn con chung Nguyễn Văn D1, anh C trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung: Chị và anh Nguyễn Văn C không có tài sản gì chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về tình cảm: Anh và chị Nguyễn Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã Q. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại khu 8, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị thỉnh thoảng xảy ra cãi vã nhỏ do mâu thuẫn trong cuộc sống, chị D thỉnh thoảng tát anh, nên anh đánh lại. Đến tháng 2 năm 2022 vợ chồng xảy ra xô xát cãi nhau và chị D bỏ về nhà bố mẹ để sống từ đó đến nay. Quan điểm của anh không muốn ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn C trình bày, anh và chị D có hai con chung là Nguyễn Thị Q, sinh ngày 03/8/2012 và Nguyễn Văn D1, sinh ngày 30/9/2014. Khi ly hôn anh C đề nghị được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Văn D1, còn chị Nguyễn Thị D nuôi con chung Nguyễn Thị Q đến khi thành niên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung: Anh C trình bày, vợ chồng anh không có tài sản chung, nên không yêu cầu tòa giải quyết.

Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương nơi chị D và anh C cư trú thấy: Chị D và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 09/9/2011. Sau khi kết hôn chị D và anh C chung sống cùng nhau tại khu 8, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống chị D và anh C thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, to tiếng với nhau. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung không có sự chia sẻ, thông cảm với nhau. Chị D và anh C đã sống ly thân nhau, mỗi người sống một nơi.

Ngày 01/4/2022 Tòa án tiến hành lấy lời khai của những người làm chứng ông Nguyễn Văn T là bố đẻ anh Nguyễn Văn C và bà Vũ Thị L là người hàng xóm sống cạnh nhà anh C đều thể hiện: Chị D và anh C là vợ chồng hợp pháp chung sống tại khu 8, phường P, thị xã Q. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã nhau do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, trong việc nuôi dạy con cái. Chị D và anh C đã xảy ra đánh chửi nhau nhiều lần, chị D bỏ về nhà bố mẹ để sống ly thân sau đó lại quay về chung sống cùng nhau. Hiện tại chị D đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống.

Ngày 20/4/2022 Tòa án tiến hành lấy lời khai của người làm chứng bà Vũ Thị T là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị D thể hiện: Chị D và anh C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng cãi vã nhau. Bà được chị D kể lại do anh C không chịu khó làm ăn, khi được chị D nhắc nhở thì anh C lại mắng chửi và dùng tay tát vợ, đánh vợ dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Chị D và anh C đã sống ly thân nhau nhiều lần và lần lâu nhất là 4 tháng. Những lần chị D trở về nhà mẹ đẻ sống ly thân là do bị anh C đánh tím mắt mũi, chảy máu răng. Trong những lần ly thân trước thì anh C có đến xin lỗi và chị D đã quay trở về. Lần gần đây nhất là vào tháng 2 năm 2022 do anh C đánh chị D quá đau dùng tay tát, cầm đầu kéo từ nhà ra ngoài đường sau đó đuổi chị D đi nên chị D đã kiên quyết không tha thứ cho anh C và muốn ly hôn với anh C.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị D và anh C không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có quan điểm:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa theo đúng quy định.

- Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn C. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Q, sinh ngày 03/8/2012 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Giao con chung Nguyễn Văn D1, sinh ngày 30/9/2014 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà

không ai được cản trở. Về tài sản chung, đương sự không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Về tố tụng:

- **Về thẩm quyền xét xử của Tòa án:** Chị Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn C có địa chỉ tại khu 8, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 09 tháng 9 năm 2011. Do vậy hôn nhân của chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn C là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Trong thời gian chung sống vợ chồng chị D và anh C thường xuyên xảy ra cãi vã, thậm chí đánh chửi nhau nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày cũng như việc chăm sóc nuôi dạy con cái, hiện tại chị D và anh C cũng đã sống ly thân nhau, mỗi người một nơi, đều không quan tâm đến nhau. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân của chị D và anh C đã ở mức độ mâu thuẫn trầm trọng, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị D.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn C có hai con chung là Nguyễn Thị Q, sinh ngày 03/8/2012 và Nguyễn Văn D1, sinh ngày 30/9/2014. Hiện tại cháu Q đang sống cùng chị D, cháu D1 đang sống cùng anh C. Chị D có quan điểm đề nghị được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thị Q còn con chung Nguyễn Văn D1 anh C trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C cũng có quan điểm nếu vợ chồng ly hôn thì đồng ý như quan điểm của chị D về con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại cháu Q đang ở cùng chị D, cháu D1 đang ở cùng anh C. Cả chị D và anh C đều có nguyện vọng giao con chung Nguyễn Thị Q cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Văn D1 cho anh C trực

tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ngoài ra, nguyện vọng của cháu Q muốn được ở cùng chị D, cháu D1 có nguyện vọng ở cùng anh C.

Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị D về việc giao con chung Nguyễn Thị Q cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Văn D1 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị D và anh C đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị D và anh C có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57; khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Q, sinh ngày 03/8/2012 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung Nguyễn Văn D1, sinh ngày 30/9/2014 cho

anh Nguyễn Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị D đã nộp theo biên lai số 0010598 ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q. Chị D đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TX Q;
- CCTHADS TX Q;
- UBND phường P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Công Mười

